

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ VẬT LIỆU XÂY
DỰNG GIA HUY**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA HUY BUILDING MATERIALS AND CARRIAGE SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GIA HUY BMACST CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109158933

3. Ngày thành lập: 14/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Đồi, Thôn Chi Nê, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988959236

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa);	4620
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: -Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; -Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;	4649
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
5.	Xây dựng nhà để ở	4101
6.	Xây dựng nhà không để ở	4102
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khóa; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;	4663
8.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

9.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
11.	Xây dựng công trình điện	4221
12.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
13.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
14.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
15.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
16.	Xây dựng công trình thủy	4291
17.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ: đấu giá	4610
20.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
21.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
22.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
23.	Phá dỡ	4311
24.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
25.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
28.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô. (Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ – CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933(Chính)
29.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
30.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
31.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
32.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
33.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
34.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

35.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
36.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
37.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
38.	Vận tải hành khách hàng không	5110
39.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
40.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
44.	Bốc xếp hàng hóa	5224
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động vận tải hàng hóa hàng không)	5229
47.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THANH	Xóm Đồi, Thôn Chi Nê, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.100.000.000	85,000	112541149	
2	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Xóm Cá, Thôn Chi Nê, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	15,000	001198020162	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/01/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 112541149

Ngày cấp: 21/05/2008

Nơi cấp: Công An Tỉnh Hà Tây

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Đồi, Thôn Chi Nê, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Đồi, Thôn Chi Nê, Xã Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội